

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU
LONG HAU CORPORATION

Số/No: 31/2022/CB-LHC-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State securities Commission
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ Hochiminh Stock exchange

Tên công ty/ Organization name: Công Ty Cổ Phần Long Hậu/ Long Hau Corporation

Mã chứng khoán/ Security Code: LHG

Địa chỉ trụ sở chính/ Address : Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc , Tỉnh Long An.

Hamlet 3, Long Hau Ward, Can Giuoc District, Long An Province.

Điện thoại/Telephone: +84-28-3781 8929

Fax: +84-28-3781 8940

Website: www.longhau.com.vn

Người được ủy quyền CBTT/Information disclosed by: Bà/Mrs Phạm Thị Như Anh

Chức danh/ Position: Phó Tổng Giám Đốc/ Deputy General Director.

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Information discloser type: Periodic 24 Hours 72 hours Ondemand Other

Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý 3 năm 2022.

Separate and Consolidated Financial Statement for the Third-quarter of 2022.

Giải trình Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý 3 năm 2022.

Explanation of Separate and Consolidated Financial Statement for the Third-quarter of 2022.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/10/2022 tại đường dẫn <http://www.longhau.com.vn/>.

This information was published on the company's website on October 28th ,2022 at the link <http://www.longhau.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear full responsibility to be the law.

Long An, ngày 28 tháng 10 năm 2022

Long An, October 28th 2022

Người được Ủy quyền Công bố thông tin

Party authorized to disclose information

Phó Tổng Giám Đốc

Deputy General Director

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above

- Lưu / Archived: TCKT/ Financial
& Accountant Dept.



Phạm Thị Như Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU
Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc,
tỉnh Long An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 325 /2022/CV-LHC-TCKT

Long An, ngày 28 tháng 10 năm 2022

V/v giải trình lợi nhuận thay đổi trên 10% của báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2022 so với quý 3 năm 2021.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Long Hậu.

Mã CK: LHG.

Trước tiên, Công ty cổ phần Long Hậu (LHC) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan và chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

- Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2022 của Công ty cổ phần Long Hậu đã công bố.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2022 của LHC, lợi nhuận sau thuế là 82,44 tỷ đồng, tăng 62,54 tỷ đồng (trên 10%) so cùng kỳ năm 2021 (19,90 tỷ đồng), LHC xin giải trình như sau:

1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh quý 3/2022 tăng 125,86 tỷ đồng so với quý 3/2021 nguyên nhân gồm:

- Doanh thu cho thuê lại đất khu công nghiệp quý 3/2022 tăng so với quý 3/2021 là 118,60 tỷ đồng;
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại và các hoạt động khác quý 3/2022 tăng 7,26 tỷ đồng so với quý 3/2021.

2. Giá vốn quý 3/2022 tăng 57,17 tỷ đồng so với quý 3/2021 chủ yếu do:

- Giá vốn cho thuê lại đất khu công nghiệp quý 3/2022 tăng 50,28 tỷ đồng theo doanh thu;
- Giá vốn cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại và các hoạt động khác quý 3/2022 tăng 6,89 tỷ đồng;

Doanh thu thuần quý 3/2022 tăng 125,86 tỷ đồng và giá vốn tăng 57,17 tỷ đồng làm lợi nhuận gộp tăng 68,69 tỷ đồng so với quý 3/2021.

3. Doanh thu tài chính tăng 0,11 tỷ đồng, chi phí tài chính giảm 0,67 tỷ đồng so với quý 3/2021 làm tăng lợi nhuận 0,78 tỷ đồng.

4. Lãi trong công ty liên kết quý 3/2022 tăng 0,19 tỷ đồng so với cùng kỳ.

5. Chi phí bán hàng và quản lý tăng 3,36 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 do tăng theo doanh thu làm giảm lợi nhuận trong kỳ 3,36 tỷ đồng.

6. Lợi nhuận từ hoạt động khác tăng 9,22 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 làm tăng lợi nhuận 9,22 tỷ đồng.

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 0,61 tỷ đồng, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tăng 12,37 tỷ đồng so với quý 3 năm 2021 làm giảm lợi nhuận trong kỳ là 12,98 tỷ đồng.

Trên đây là những giải trình của LHC về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi trên 10% của báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2022 so với cùng kỳ năm 2021.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- HTNS
- TCKT

Người được ủy quyền công bố thông tin

P. Tổng Giám Đốc 

Phạm Thị Như Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 - NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN
LONG HẬU



Công ty cổ phần Long Hậu

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

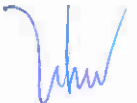
Quý 3 năm 2022

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.201.754.408.920	2.196.729.118.709
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		205.744.045.589	114.501.232.841
Tiền	111	V.1	205.744.045.589	56.921.843.434
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	57.579.389.407
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.037.196.643.215	1.146.617.679.364
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.037.196.643.215	1.146.617.679.364
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339.380.471.581	307.973.295.695
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20.161.302.943	16.562.927.913
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.849.289.632	8.404.290.562
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	301.615.333.551	283.251.531.765
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(245.454.545)	(245.454.545)
Hàng tồn kho	140		613.165.339.657	620.522.508.428
Hàng tồn kho	141	V.7	613.165.339.657	620.522.508.428
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.267.908.878	7.114.402.381
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.580.389.005	2.299.948.557
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.659.457.452	4.785.880.173
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		28.062.421	28.573.651
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		794.787.201.767	807.130.015.630
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.227.380.000	5.227.380.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		5.227.380.000	5.227.380.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.9	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tài sản cố định	220		60.942.591.629	65.842.937.869
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	59.397.541.157	64.292.836.891
- Nguyên giá	222		134.240.231.468	135.344.561.468
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(74.842.690.311)	(71.051.724.577)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.545.050.472	1.550.100.978
- Nguyên giá	228		3.050.589.480	3.050.589.480
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.505.539.008)	(1.500.488.502)
Bất động sản đầu tư	230	V.12	434.005.514.047	444.730.096.432
- Nguyên giá	231		739.282.531.205	739.282.531.205
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(305.277.017.158)	(294.552.434.773)
Tài sản dở dang dài hạn	240		41.878.647.103	40.068.722.103
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	41.878.647.103	40.068.722.103
Đầu tư tài chính dài hạn	250		204.103.903.698	202.146.048.408
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	104.473.903.698	102.516.048.408
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	99.630.000.000	99.630.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		48.629.165.290	49.114.830.818
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	48.629.165.290	49.114.830.818
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.996.541.610.687	3.003.859.134.339

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.493.785.716.397	1.583.543.010.824
Nợ ngắn hạn	310		940.561.894.338	1.036.336.384.771
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	48.419.653.813	45.031.480.360
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	16.612.786.683	44.917.794.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	37.555.283.055	17.015.056.979
Phải trả người lao động	314		7.733.043.307	9.767.572.633
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	668.568.755.507	651.413.740.940
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	55.342.996.061	150.676.020.776
Vay ngắn hạn	320	V.20	43.714.666.660	45.284.666.660
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	62.614.709.252	72.230.051.631
Nợ dài hạn	330		553.223.822.059	547.206.626.053
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.759.243.559	1.755.784.549
Phải trả dài hạn khác	337	V.22	57.847.617.991	52.508.758.669
Vay dài hạn	338	V.20	107.986.888.910	118.035.555.575
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	385.630.071.599	374.906.527.260
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.502.755.894.290	1.420.316.123.515
Vốn chủ sở hữu	410		1.502.755.894.290	1.420.316.123.515
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	500.120.100.000	500.120.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.24	500.120.100.000	500.120.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		71.770.248.000	71.770.248.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	97.216.944.076	97.216.944.076
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	832.973.634.747	750.540.187.260
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		661.034.903.477	661.034.903.477
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		171.938.731.270	89.505.283.783
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	429		674.967.467	668.644.179
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.996.541.610.687	3.003.859.134.339

Long Hậu, ngày 26 tháng 10 năm 2022


 Mai Thu Phong
 Người lập


 Nguyễn Tấn Phong
 Kế toán trưởng




 Trần Hồng Sơn
 Tổng giám đốc

Công ty cổ phần Long Hậu
 Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý 3 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm			
			Quý 3/2022	Quý 3/2021		
			Năm 2022	Năm 2021		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	177.902.537.199	52.041.068.999	525.598.356.632	717.827.997.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	177.902.537.199	52.041.068.999	525.598.356.632	717.827.997.915
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	83.520.896.930	26.352.484.080	313.173.173.446	334.255.705.464
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.381.640.269	25.688.584.919	212.425.183.186	383.572.292.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.918.198.890	13.809.785.054	36.169.199.505	24.762.463.530
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.261.932.585	3.928.505.182	10.295.960.360	12.199.816.543
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.261.932.585	3.928.505.182	10.295.960.360	12.003.165.041
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.5	1.957.855.290	1.761.711.743	5.660.536.162	4.549.640.775
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.680.885.421	162.240.909	3.101.663.481	9.854.768.027
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.985.771.296	11.145.256.424	36.695.219.742	49.852.029.029
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.329.105.147	26.024.079.201	204.162.075.270	340.977.783.157
12. Thu nhập khác	31		10.139.279.624	358.523.411	13.168.643.448	2.134.060.211
13. Chi phí khác	32		556.876.589	843	1.369.494.472	231.932.598
14. Lợi nhuận khác	40		9.582.403.035	358.522.568	11.799.148.976	1.902.127.613
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		101.911.508.182	26.382.601.769	215.961.224.246	342.879.910.770
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.748.193.068	8.135.683.850	27.363.580.029	18.808.703.224
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		10.723.544.339	(1.649.381.220)	16.640.878.852	53.018.496.479
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.439.770.775	19.896.299.139	171.956.765.365	271.052.711.067
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		82.433.447.487	19.892.879.092	171.938.711.672	271.042.732.981
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.323.288	3.420.047	4.228.693.090	9.978.086

Ngày 26 tháng 10 năm 2022
 Trần Hồng Sơn
 Tổng giám đốc

Nguyễn Tấn Phong
 Kế toán trưởng

Mai Thu Phong
 Người lập

Công ty cổ phần Long Hậu
 Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cấn Giuộc, tỉnh Long An
 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Lũy kế từ đầu năm

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Năm 2022	Năm 2021
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận trước thuế	01		101.911.508.182	26.382.601.769	215.961.224.246	342.879.910.770
Điều chỉnh cho các khoản:						
Khấu hao tài sản cố định	02		15.572.979.545	12.808.436.156	40.948.991.583	38.554.828.376
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(16.082.877.217)	(15.571.496.797)	(905.882.121)	196.651.502
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.261.932.585	3.928.505.182	(41.130.676.583)	(29.312.104.305)
Chi phí lãi vay	06		104.663.543.095	27.548.046.310	10.295.960.360	12.003.165.041
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08		(31.214.165.772)	(10.746.690.500)	225.169.617.485	364.322.451.384
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.357.168.771	291.402.494	(31.980.523.124)	5.575.262.387
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.879.466.602	20.238.234.868	13.723.604.944	96.270.680.985
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.205.225.080	660.610.719	106.902.798.008	43.562.350.309
Tiền lãi vay đã trả	12		(3.261.932.585)	(3.928.505.182)	594.060.688	(2.652.823.192)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài	14		(12.697.072)	(9.646.448.608)	(10.295.960.360)	(12.003.165.041)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.615.342.379)	(1.143.450.000)	(19.221.441.855)	(11.862.207.762)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		76.001.268.740	26.273.200.101	(22.666.543.399)	(3.948.937.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.005.595.000)	(3.360.625.400)	262.195.612.387	479.263.611.218
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài	21		454.545.455	(106.698.284.609)	(595.188.880.464)	(746.004.975.742)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài	22		(159.950.579.727)	159.200.000.000	543.533.124.137	219.583.547.945
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		266.371.615.876	13.809.785.054	35.110.052.237	24.762.463.530
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.826.416.669	66.311.500.445	(19.451.784.035)	(511.636.577.220)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		121.696.403.273	12.200.000.000	(34.855.999.995)	(30.945.999.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.618.666.665)	(10.448.666.665)	(94.907.353.720)	(94.321.397.900)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	33		(94.836.189.600)	(92.570.064.565)	(129.763.353.715)	(108.267.397.896)
Tiền vay ngân hàng, dài hạn nhận được	34		91.242.812.748	14.635.981	112.980.474.637	(140.640.363.898)
Tiền chi trả nợ gốc vay	36		114.501.232.841	119.667.011.033	91.857.688.831	260.518.662.414
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	40		205.744.045.589	119.681.647.014	905.882.180.725.46	(196.651.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		205.744.045.589	119.681.647.014	205.744.045.589	119.681.647.014
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60					
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	61					
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	70	V.1				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ						

Ngày 09 tháng 09 năm 2022



(Handwritten signature)

Trần Hồng Sơn
 Tổng giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Tấn Phong
 Kế toán trưởng



Người lập

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Long Hậu ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1100727545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và gần nhất là lần thay đổi thứ 17, ngày 13 tháng 9 năm 2019.

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2006, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 50221000001 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để được quyền phát triển Khu Công nghiệp Long Hậu ("KCN Long Hậu 1") và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 4 vào ngày 28 tháng 2 năm 2014.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2009, Công ty nhận được GCNĐT số 50221000150 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để phát triển Khu Công nghiệp Long Hậu – Giai đoạn mở rộng ("KCN 2" hay "KCN Long Hậu Mở rộng") và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng. GCNĐT số 5252507315 ngày 10 tháng 1 năm 2019 này thay thế GCNĐT số 50221000150 thay đổi lần thứ 3 vào ngày 28 tháng 2 năm 2014.

Vào ngày 3 tháng 7 năm 2009, Công ty nhận được GCNĐT số 50221000156 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để xây dựng Khu lưu trú 5 tầng bên trong Khu Công nghiệp Long Hậu 1 ("Khu lưu trú"). GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 26 tháng 7 năm 2012.

Vào ngày 7 tháng 8 năm 2009, Công ty nhận được GCNĐT số 50121000141 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cấp để đầu tư xây dựng Khu dân cư – tái định cư ("Khu dân cư") tại Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2016, Công ty nhận được GCNĐT số 4414381603 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Long An cấp để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Long Hậu 3 - Giai đoạn 1 ("KCN Long Hậu 3") tại Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 6 vào ngày 23 tháng 09 năm 2021.

Vào ngày 3 tháng 5 năm 2018, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số 1100727545-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp để thành lập chi nhánh ở Thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, Công ty nhận được giấy GCNĐT số 4500135878 do Ban quản lý KCN Đà Nẵng cấp để thực hiện dự án Nhà xưởng công nghệ cao Long Hậu Đà Nẵng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LHG theo Quyết định số 48/QĐ-SGDHCM ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con ("Tập đoàn") là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; hoạt động phòng khám chuyên khoa; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và khu dân cư, tư vấn đầu tư xây dựng; xây dựng giao thông, trang trí nội thất, ngoại thất, xử lý chất thải và vệ sinh công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Ngành nghề	Địa chỉ	30/09/2022	
			Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ %
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu Công nghiệp Long Hậu	Cung ứng lao động, môi giới việc làm, hành chính văn phòng, khám chữa bệnh; sản xuất, kinh doanh nước sạch, xử lý nước thải, kinh doanh xăng dầu	Lô K.01, Khu Công nghiệp Long Hậu, Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	88	88
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen	Công nghệ thông tin	Phường Tân Phú, Quận 7, Thành Phố HCM	40	40
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh ("Sapulico")	Quản lý, vận hành, duy tu và sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng	Phường 4, Quận 5, Thành Phố HCM	34	34

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại

ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí phát triển khu công nghiệp, khu dân cư và khu chuyên gia chuyển đổi.

(i) Khu công nghiệp

Chi phí phát triển khu công nghiệp được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển khu công nghiệp. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành khu công nghiệp và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

(ii) Khu dân cư và khu chuyên gia chuyển đổi

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng; và chi phí lập kế hoạch, thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Giá thành của hàng tồn kho được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

Tiền hoa hồng không hoàn lại trả cho đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán các lô bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu) trừ chi phí ước tính để hoàn thành khu dân cư – tái định cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 9 năm
Quyền sử dụng đất (*)	49 năm
Phần mềm máy tính, bản quyền	3 - 5 năm
Giấy phép nhượng quyền	9 năm

(*) Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An cấp ngày 2 tháng 2 năm 2005, Công ty được cấp quyền sử dụng đất trong vòng 49 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	15 năm
Khu lưu trữ	25 năm

Trung tâm dịch vụ

25 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời

gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.17 .Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ: là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

2.19 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng chủ yếu đến từ KCN Long Hậu 3. KCN Long Hậu 3 vẫn đang trong quá trình xây dựng và phát triển.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- (i) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- (ii) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- (iii) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- (iv) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

(b) Doanh thu bán đất nền Khu dân cư

Việc ghi nhận doanh thu bán đất nền khu dân cư phải đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Đất nền đã hoàn thành toàn bộ và giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đất nền cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý đất nền như người sở hữu đất nền hoặc quyền kiểm soát đất nền;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán đất nền; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán đất nền.

(c) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê nhà xưởng và khu lưu trú được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

(d) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.22 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn vào các công ty liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, và chiết khấu thanh toán.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm chi phí môi giới, quảng cáo sản phẩm, và hoa hồng bán hàng.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

1278
IG T
PH
G H
JC.T

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

15-C
U
N
LONG

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	30/09/2022	01/07/2022
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng	205.744.045.589	56.748.091.388
Các khoản tương đương tiền	-	57.753.141.453
Cộng	205.744.045.589	114.501.232.841
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.037.196.643.215	1.146.617.679.364
Cộng	1.037.196.643.215	1.146.617.679.364
3. Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn		
Bên liên quan	6.480.000	27.492.002
<i>Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận</i>	6.480.000	20.176.363
Bên thứ ba	20.154.822.943	16.535.435.911
<i>Công ty TNHH TM & DV Ánh sáng Châu Á</i>	5.456.866.380	-
<i>Khách hàng khác</i>	14.697.956.563	16.535.435.911
Cộng	20.161.302.943	16.562.927.913
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Bên thứ ba	17.849.289.632	8.404.290.562
<i>Công ty CP ĐTXD Thương mại Tradeco</i>	8.623.200.000	-
<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Huyện Cần Giuộc</i>	4.646.564.856	4.646.564.856
<i>Nhà cung cấp khác</i>	4.579.524.776	3.757.725.706
Cộng	17.849.289.632	8.404.290.562
5. Phải thu khác ngắn hạn		
Bên liên quan	60.251.926.167	60.251.926.167
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ IGREEN – Chi hộ</i>	249.854.545	249.854.545
<i>Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận</i>	60.002.071.622	60.002.071.622
Bên thứ ba	241.363.407.384	222.999.605.598
<i>Kinh phí bồi thường và thỏa thuận bồi thường các dự án</i>	194.952.376.738	181.368.359.881
<i>Tạm ứng</i>	5.998.113.750	5.939.613.750
<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	80.300.000	80.300.000
<i>Phải thu hợp tác kinh doanh</i>	23.572.346.249	23.572.346.249
<i>Phải thu khác</i>	16.760.270.647	12.038.985.718
Cộng	301.615.333.551	283.251.531.765
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Bên liên quan	245.454.545	245.454.545
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ IGREEN – Chi hộ</i>	245.454.545	245.454.545
Cộng	245.454.545	245.454.545

(*) Bao gồm khoản tạm ứng cho IPC nghĩa vụ hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho dự án KCN Long Hậu 1 với số tiền là 59.180.512.545 Đồng (chưa bao gồm VAT) theo yêu cầu của Thỏa thuận nguyên tắc ký kết giữa hai bên. Hiện tại, Công ty đang làm việc với IPC về toàn bộ chi phí bố trí tái định cư của Dự án này (Thuyết minh VII.1)

	<u>30/09/2022</u>	<u>01/07/2022</u>
7. Hàng tồn kho		
Chi phí đầu tư xây dựng Khu công nghiệp, khu dân cư (*)	612.383.407.144	619.725.926.911
Nguyên vật liệu	516.220.350	544.729.242
Hàng hóa bất động sản	229.118.181	229.118.181
Thành phẩm nước tinh khiết	36.593.982	22.734.094
Cộng	613.165.339.657	620.522.508.428
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	613.165.339.657	620.522.508.428
(*) Bao gồm:	<u>30/09/2022</u>	<u>01/07/2022</u>
Chi phí đầu tư xây dựng khu công nghiệp Long Hậu	584.259.040.964	591.816.560.731
Chi phí đầu tư xây dựng khu các dân cư	28.124.366.180	27.909.366.180
Cộng	612.383.407.144	619.725.926.911
8. Phải thu về cho vay dài hạn	<u>30/09/2022</u>	<u>01/07/2022</u>
- Bên liên quan		
Công ty cổ phần công nghệ Igreen	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	<u>30/09/2022</u>	<u>01/07/2022</u>
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công Nghệ IGREEN – tiền cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
01-07-22	90.662.846.074	25.692.055.972	15.412.248.994	1.194.710.174	2.382.700.254	135.344.561.468
Tăng	-	149.770.000	-	45.900.000	-	195.670.000
Giảm:	-	-	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000
Giảm do thanh lý	-	-	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000
30-09-22	90.662.846.074	25.841.825.972	14.112.248.994	1.240.610.174	2.382.700.254	134.240.231.468
Khấu hao lũy kế						
01-07-22	43.769.814.449	10.935.899.304	13.055.445.561	995.964.887	2.294.600.376	71.051.724.577
Tăng	4.160.587.857	434.001.110	174.263.586	30.444.165	44.049.936	4.843.346.654
Giảm do thanh lý	-	-	1.052.380.920	-	-	1.052.380.920
30-09-22	47.930.402.306	11.369.900.414	12.177.328.227	1.026.409.052	2.338.650.312	74.842.690.311
Giá trị còn lại						
01-07-22	46.893.031.625	14.756.156.668	2.356.803.433	198.745.287	88.099.878	64.292.836.891
30-09-22	42.732.443.768	14.471.925.558	1.934.920.767	214.201.122	44.049.942	59.397.541.157

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giấy phép nhượng quyền	Phần mềm máy tính và bản quyền	Cộng
Nguyên giá				
01-07-22	1.777.800.000	181.818.182	1.090.971.298	3.050.589.480
30-09-22	1.777.800.000	181.818.182	1.090.971.298	3.050.589.480
Khấu hao lũy kế				
01-07-22	237.800.000	171.717.204	1.090.971.298	1.500.488.502
Tăng	-	5.050.506	-	5.050.506
30-09-22	237.800.000	176.767.710	1.090.971.298	1.505.539.008
Giá trị còn lại				
01-07-22	1.540.000.000	15.151.484	-	1.550.100.978
30-09-22	1.540.000.000	5.050.472	-	1.545.050.472

CÔNG TY CP LONG HẬU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022***(Đơn vị tính: VND)*

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

12. Bất động sản đầu tư

	<u>Khu lưu trú</u>	<u>Các dự án Nhà xưởng</u>	<u>Trung tâm thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
01-07-22	183.560.895.127	510.386.829.285	45.334.806.793	739.282.531.205
30-09-22	183.560.895.127	510.386.829.285	45.334.806.793	739.282.531.205
Khấu hao lũy kế				
01-07-22	79.346.721.147	210.200.501.908	5.005.211.718	294.552.434.773
Tăng	1.796.868.429	8.350.189.527	577.524.429	10.724.582.385
30-09-22	81.143.589.576	218.550.691.435	5.582.736.147	305.277.017.158
Giá trị còn lại				
01-07-22	104.214.173.980	300.186.327.377	40.329.595.075	444.730.096.432
30-09-22	102.417.305.551	291.836.137.850	39.752.070.646	434.005.514.047

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	30/09/2022	01/07/2022
Hệ thống cung cấp nước	7.513.582.716	7.513.582.716
Dự án Nhà máy nước Mỹ Lộc và khác	30.649.609.987	30.649.609.987
Dự án nhà xưởng	3.580.454.400	1.770.529.400
Công trình khác	135.000.000	135.000.000
Cộng	41.878.647.103	40.068.722.103

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
 Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen

	Giá trị ghi sổ		Ngành nghề	Địa chỉ
	30/09/2022	01/07/2022		
Tỷ lệ % sở hữu: 40%				
Đầu tư	20.000.000.000	20.000.000.000	Công nghệ	Phường Tân Phú,
Dự phòng	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)	thông tin	Quận 7, Thành Phố
Thuần	-	-		HCM

Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng Hồ Chí Minh

	Giá trị ghi sổ		Ngành nghề	Địa chỉ
	30/09/2022	01/07/2022		
Tỷ lệ % sở hữu: 34%				
Đầu tư	104.473.903.698	102.516.048.408	Chiếu sáng, tin	Phường 4, Quận 5,
Dự phòng	-	-	hiệu giao thông	Thành Phố HCM
Thuần	104.473.903.698	102.516.048.408		
Cộng	104.473.903.698	102.516.048.408		

Chi tiết giá trị của khoản đầu tư vào Sapulico được trình bày như sau:

	Giá trị
Tại ngày 01 tháng 07 năm 2022	102.516.048.408
Lãi từ công ty liên kết	1.957.855.290
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022	104.473.903.698

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2022		01/07/2022	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định	1.226.875	19.630.000.000	1.226.875	19.630.000.000
Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	80.000	80.000.000.000	80.000	80.000.000.000
Cộng	1.306.875	99.630.000.000	1.306.875	99.630.000.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2022	01/07/2022
Tiền thuê đất đã trả trước	39.955.654.156	40.207.316.233
Công cụ, dụng cụ	125.637.763	98.123.556
Khác	8.547.873.371	8.809.391.029
Cộng	48.629.165.290	49.114.830.818

16. Phải trả người bán và người mua trả trước ngắn hạn

	30/09/2022	01/07/2022
Phải trả người bán (16.1)	48.419.653.813	45.031.480.360
Người mua trả trước (16.2)	16.612.786.683	44.917.794.792
Cộng	65.032.440.496	89.949.275.152

(16.1) Bao gồm:		
- Bên liên quan	1.835.025.075	1.835.025.075
<i>Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận</i>	1.835.025.075	1.835.025.075
- Bên thứ ba	46.584.628.738	43.196.455.285
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây lắp Thành An 665</i>	28.294.359.112	26.493.492.988
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Khang Nam</i>	9.735.822.801	9.735.822.801
<i>Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công nghệ Hoàng Giang</i>	3.636.832.852	3.570.332.852
<i>Nhà cung cấp khác</i>	4.917.613.973	3.396.806.644
Cộng	48.419.653.813	45.031.480.360
(16.2) Bao gồm:		
- Bên thứ ba	16.612.786.683	44.917.794.792
<i>Công ty CP SX & DV Trảng An</i>	15.933.544.200	-
<i>Công ty TNHH S.R.S Long Hậu</i>		44.801.225.280
<i>Khách hàng khác</i>	679.242.483	116.569.512
Cộng	16.612.786.683	44.917.794.792
17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/09/2022	01/07/2022
Thuế GTGT hàng bán nội địa	22.467.999.534	12.522.533.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.087.469.609	4.351.973.613
Thuế thu nhập cá nhân	1.935.140.412	75.876.646
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	64.673.500	64.673.500
Cộng	37.555.283.055	17.015.056.979
18. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/09/2022	01/07/2022
Chi phí ước tính phát sinh thêm để hoàn thành cơ sở hạ tầng của các khu đất dân cư và đất Khu công nghiệp đã được ghi nhận doanh thu	618.864.455.679	600.571.743.669
Tiền thuê đất phải nộp của các khu đất đã được ghi nhận doanh thu	45.281.567.222	45.281.567.222
Chi phí phải trả khác	4.422.732.606	5.560.430.049
Cộng	668.568.755.507	651.413.740.940
19. Phải trả khác ngắn hạn	30/09/2022	01/07/2022
- Bên thứ ba		
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	2.640.474.384	2.656.391.662
<i>Phải trả thỏa thuận giữ đất</i>	28.454.357.227	28.371.047.370
<i>Cổ tức phải trả</i>	342.711.900	95.178.901.500
<i>Phải trả khác</i>	23.905.452.550	24.469.680.244
Cộng	55.342.996.061	150.676.020.776
20. Vay	30/09/2022	01/07/2022
- Quỹ môi trường (20.1)	1.120.000.000	1.680.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (20.2)	29.310.000.000	32.280.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam (20.3)	70.540.555.570	75.462.222.235
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (20.4)	50.731.000.000	53.898.000.000
Cộng	151.701.555.570	163.320.222.235
Trong đó, Vay chưa đến hạn	30/09/2022	01/07/2022
- Quỹ môi trường	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	19.070.000.000	21.030.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	50.853.888.910	55.775.555.575
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	38.063.000.000	41.230.000.000
Cộng	107.986.888.910	118.035.555.575

(20.1) Khoản vay nhằm mục đích thực hiện Dự án bảo vệ môi trường "Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công Nghiệp Long Hậu – Giai đoạn 2" . Khoản vay này được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(20.2) Khoản vay nhằm mục đích:

- Thực hiện Dự án xây nhà xưởng cho thuê tại lô S10 và S11 trong Khu công nghiệp Long Hậu; và được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và công trình nhà xưởng gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 5095, tờ bản đồ số 04, Lô S10-S11, đường Tân Tập- Long Hậu, KCN Long Hậu mở rộng. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này là 1.880.000.000 đồng; và
- Thực hiện Dự án nhà xưởng xây sẵn lô Q10 Khu Công Nghiệp Long Hậu; và được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và Công trình nhà xưởng tọa lạc tại thửa đất số 5104, tờ bản đồ số 04, Lô Q10, đường số 6, KCN Long Hậu mở rộng. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 990.000.000 đồng; và
- Thực hiện Dự án nhà xưởng xây sẵn lô F.01B Khu Công Nghiệp Long Hậu được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và Công trình nhà xưởng tọa lạc tại thửa đất số 2764, tờ bản đồ số 03, Lô F.01B, đường Long Hậu – Hiệp Phước, KCN Long Hậu. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 1.700.000.000 đồng; và
- Thực hiện đầu tư dự án Nhà xưởng xây sẵn Lô T4- KCN Long Hậu được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV 237788, sổ vào sổ cấp GCN:CT58509 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 09/10/2020. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 16.250.000.000 đồng.
- Thực hiện đầu tư dự án Hệ thống Điện mặt trời áp mái khu NXXS lô T4 - KCN Long Hậu được đảm bảo bằng tài sản hình thành của chính Dự án. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 8.490.000.000 đồng.

(20.3) Khoản vay nhằm mục đích:

- Thực hiện Dự án "Xây dựng Nhà xưởng 6 tầng tại khu công nghiệp Long Hậu" . Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành của chính dự án. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 51.712.500.000 đồng; và
- Thực hiện Dự án "Xây dựng Trung tâm dịch vụ tại khu công nghiệp Long Hậu" . Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 613341, sổ vào sổ cấp GCN: CT61643 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/05/2021. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 18.828.055.570 đồng.

(20.4) Khoản vay nhằm mục đích:

- Thực hiện Dự án "Nhà Xưởng Công Nghệ Cao Long Hậu - Đà Nẵng - Lô J4 (giai đoạn)" . Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê tài sản gắn liền với đất và quyền lợi phát sinh từ các Hợp Đồng cho thuê nhà xưởng tại dự án Khu Công Nghệ Cao Đà Nẵng. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 32.131.000.000 đồng.
- Thực hiện Dự án "Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Gđ 3 tại Khu công nghiệp Long Hậu" . Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của chính dự án. Dư nợ vay tại ngày 30/09/2022 cho Dự án này 18.600.000.000 đồng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng
 Quỹ phúc lợi nhân viên
 Quỹ phúc lợi cộng đồng
 Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị và ban điều hành
Cộng

	30/09/2022	01/07/2022
	1.295.800.828	8.481.688.445
	24.792.723.316	27.153.309.716
	16.090.512.603	16.159.380.965
	20.435.672.505	20.435.672.505
Cộng	62.614.709.252	72.230.051.631

22. Phải trả khác dài hạn

- Bên thứ ba
 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn
Cộng

	30/09/2022	01/07/2022
	57.847.617.991	52.508.758.669
Cộng	57.847.617.991	52.508.758.669

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Số đầu kỳ
 Phát sinh trong kỳ
 Phát sinh giảm
Số cuối kỳ

	Quý 3 - Năm 2022	Quý 3 - Năm 2021
	374.906.527.260	372.607.785.238
	13.423.809.848	(1.649.381.220)
	2.700.265.509	-
Số cuối kỳ	385.630.071.599	372.607.785.238

24. Nguồn vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	01/07/2022	Tăng	Giảm	30/09/2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.120.100.000	-	-	500.120.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	97.216.944.076	-	-	97.216.944.076
Thặng dư vốn cổ phần	71.770.248.000	-	-	71.770.248.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	750.540.187.260	82.433.447.487	-	832.973.634.747
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	668.644.179	6.323.288	-	674.967.467
Cộng	1.420.316.123.515	82.439.770.775	-	1.502.755.894.290

1543
TỶ
ẤN
ẬU
LỢ

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 3-2022	Quý 3-2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và xưởng xây sẵn theo yêu cầu	118.595.716.575	-
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại	32.510.898.092	33.291.534.804
Doanh thu các hoạt động khác	26.795.922.532	18.749.534.195
Tổng doanh thu	177.902.537.199	52.041.068.999
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng doanh thu thuần	177.902.537.199	52.041.068.999
<i>Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và xưởng xây sẵn theo yêu cầu</i>	<i>118.595.716.575</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại</i>	<i>32.510.898.092</i>	<i>33.291.534.804</i>
<i>Doanh thu các hoạt động khác</i>	<i>26.795.922.532</i>	<i>18.749.534.195</i>
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và xưởng theo yêu cầu	50.280.839.161	-
Giá vốn cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại	14.556.202.577	14.289.830.401
Giá vốn các hoạt động khác	18.683.855.192	12.062.653.679
Cộng	83.520.896.930	26.352.484.080
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	13.892.596.170	13.809.785.054
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.602.720	-
Cộng	13.918.198.890	13.809.785.054
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	3.261.932.585	3.928.505.182
Cộng	3.261.932.585	3.928.505.182
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.185.704.142	-
Chi phí bằng tiền khác	495.181.279	162.240.909
Cộng	1.680.885.421	162.240.909
6. Chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên	7.593.493.143	7.556.247.886
Chi phí khấu hao	563.173.974	611.290.585
Chi phí hoàn trả hiện trạng	9.169.876	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.836.589	177.317.960
Chi phí bằng tiền khác	4.566.097.714	2.800.399.993
Cộng	12.985.771.296	11.145.256.424

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt như sau:

Ban Tổng Giám đốc	Quý 3-2022	Quý 3-2021
Ban Tổng Giám đốc (lương)	900.221.438	935.570.002
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (thù lao/lương)	240.000.000	293.333.334
	1.140.221.438	1.228.903.336

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan

Công ty cổ phần dịch vụ khu công Nghiệp Long Hậu
 Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận
 Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng Hồ Chí Minh
 Công ty cổ phần công nghệ Igreen

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty góp vốn
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	30/09/2022	01/07/2022
Công ty cổ phần công nghệ Igreen		
Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu do chi hộ	245.454.545	245.454.545
Cộng nợ phải thu	5.245.454.545	5.245.454.545
Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận		
Tạm ứng chi phí xây dựng KCN	821.559.076	821.559.076
Tạm ứng chi phí tái định cư dự án KCN LH1 (*)	59.180.512.545	59.180.512.545
Cộng nợ phải thu	60.002.071.621	60.002.071.621

(*) NGHĨA VỤ HOÀN TRẢ CHI PHÍ BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ CHO DỰ ÁN KCN LONG HẬU 1 ("DỰ ÁN")

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Công ty nhận được Văn bản số 893/IPC.07 về việc hoàn trả các khoản chi phí do IPC đã chi trước đây để phát triển Dự án với số tiền là 58.150.554.435 Đồng, trong đó, bao gồm 9.279.920.000 Đồng giá chênh lệch giữa thực tế và hoán đổi đất cho dự án tái định cư. Công ty đã hoàn tất việc thanh toán các chi phí trên theo yêu cầu của IPC trong năm 2007.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, Công ty ký kết Thỏa thuận nguyên tắc về việc hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho Dự án với IPC, trong đó nêu rõ Công ty sẽ hoàn trả cho IPC chi phí bố trí tái định cư bao gồm giá trị của phần diện tích nền tái định cư đã bố trí cho người dân bị giải tỏa theo giá hợp lý được hai bên thỏa thuận, chi phí sử dụng vốn và 10% lợi nhuận định mức. Cũng trong Thỏa thuận nguyên tắc này, hai bên đồng ý rằng, sau khi thống nhất giá trị chi phí tái định cư và tiến hành các thủ tục chấp thuận nội bộ của mỗi bên, hai bên sẽ ký kết Hợp đồng hoàn trả chi phí. Đồng thời, hai bên cũng thống nhất Công ty sẽ tạm ứng cho IPC một khoản tiền nhất định trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Thỏa thuận nguyên tắc này. Việc xử lý số tiền tạm ứng trên sẽ được thực hiện khi hai bên thống nhất chi phí tái định cư và ký Hợp đồng hoàn trả chi phí. Trong năm 2018, Công ty tạm ứng cho IPC khoản tiền 59.180.512.545 Đồng (chưa bao gồm VAT) theo yêu cầu của Thỏa thuận nguyên tắc này (Thuyết minh V.5). Trong năm 2019, IPC đã tiến hành xuất hóa đơn cho khoản tạm ứng này theo yêu cầu của cơ quan Thuế.

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty nhận được từ IPC các văn bản thông báo các số tiền tạm tính khác nhau để Công ty thanh toán như sau: Văn bản số 608/IPC.18 ngày 15 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 62.476.082.900 Đồng; Văn bản số 751/IPC.18 ngày 26 tháng 7 năm 2018 với số tiền là 111.058.460.622 Đồng; và Văn bản số 840/IPC.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018 với số tiền là 328.727.272.003 Đồng. Công ty có nhận các văn bản từ IPC: văn bản số 449/IPC.20 ngày 03 tháng 7 năm 2020, văn bản số 484/IPC.21 ngày 12 tháng 11 năm 2021 và văn bản số 194/IPC.21 ngày 12 tháng 04 năm 2022 về việc hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho dự án KCN Long Hậu với số tiền 328.727.272.003 đ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang tiếp tục làm việc với IPC để xác định chi phí tái định cư này nên Công ty chưa thu thập đủ thông tin để xác định giá trị nền tái định cư của Dự án, Công ty chưa ghi nhận chi phí bố trí tái định cư này.

Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận	30/09/2022	01/07/2022
Phải trả mua nhà máy nước	1.835.025.075	1.835.025.075
Cộng nợ phải trả	1.835.025.075	1.835.025.075

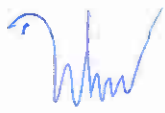
2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để sử dụng vào mục đích đầu tư cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp và cho thuê lại với Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Long An từ năm 2006 đến năm 2066. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 Công ty còn phải trả tiền thuê đất cho Cơ quan Nhà nước trên diện tích 3,2 ha.

3. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



Mai Thu Phong
Người lập



Nguyễn Tấn Phong
Kế toán trưởng

Long An, ngày 26 tháng 10 năm 2022




Trần Hồng Sơn
Tổng Giám đốc